

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 334/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: triệu đồng

STT	Đơn vị	Kinh phí bổ sung tiền lương và phụ cấp			Kinh phí phụ cấp thu hút, phụ cấp lâu năm theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ			Tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ	Kinh phí bổ sung			
		Tổng cộng	Tiền lương theo mức lương 1,49 trđ/tháng	Tiền lương theo mức lương chênh lệch từ 1,49 trđ/tháng lên 2,34 trđ/tháng	Tổng cộng	Theo mức lương cơ sở 1,49 trđ/tháng	Theo mức lương chênh lệch từ 1,49 trđ/tháng lên 2,34 trđ/tháng		Tổng cộng	Theo mức lương cơ sở 1,49 trđ/tháng	Theo mức lương chênh lệch từ 1,49 trđ/tháng lên 2,34 trđ/tháng	Tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7	8=9+10+11	9=2+5	10=3+6	11=7
	TỔNG CỘNG	47.708	22.168	25.540	20.861	13.284	7.577	4.675	73.244	35.452	33.117	4.675
1	Phường Đức Phổ	52	33	19					52	33	19	
2	Xã Bình Minh	601	385	216					601	385	216	
3	Xã Bình Chương	62	40	22					62	40	22	
4	Xã Bình Sơn	1.003	642	361					1.003	642	361	
5	Xã Vạn Tường	254	163	91					254	163	91	
6	Xã Đông Sơn	579	371	208					579	371	208	
7	Xã Trường Giang	127	81	46					127	81	46	
8	Xã Đình Cương	185	118	67					185	118	67	
9	Xã Thiện Tín	114	73	41					114	73	41	
10	Xã Phước Giang	30	19	11					30	19	11	
11	Xã Mộ Đức	117	75	42					117	75	42	
12	Xã Lân Phong	63	40	23					63	40	23	
13	Xã Tây Trà	70	45	25	692	441	251		762	486	276	
14	Xã Cà Đam	103	66	37	184	117	67		287	183	104	
15	Xã Thanh Bồng	158	101	57	721	459	262		879	560	319	
16	Xã Tây Trà Bồng				834	531	303		834	531	303	
17	Xã Sơn Linh	58	37	21	799	509	290		857	546	311	
18	Xã Sơn Thủy	100	64	36					100	64	36	
19	Xã Sơn Tây	1.318	844	474					1.318	844	474	
20	Xã Sơn Tây Hạ	207	132	75	41	26	15		248	158	90	
21	Xã Sơn Tây Thượng				8	5	3		8	5	3	
22	Xã Ba Vì	2.353	1.506	847	20	13	7		2.373	1.519	854	
23	Xã Ba Tô	1.312	839	473	559	356	203		1.871	1.195	676	
24	Xã Ba Đình	1.434	918	516	743	473	270		2.177	1.391	786	
25	Xã Ba Vinh	1.453	930	523	560	357	203		2.013	1.287	726	
26	Xã Ba Xá	2.070	1.325	745	385	245	140		2.455	1.570	885	
27	Xã Đặng Thùy Trâm	1.563	1.000	563	967	616	351		2.530	1.616	914	
28	Xã Ba Tư	2.640	1.690	950					2.640	1.690	950	
29	Xã Ba Động	2.307	1.476	831					2.307	1.476	831	
30	Đặc khu Lý Sơn	25	16	9	181	115	66		206	131	75	
31	Phường Kon Tum	2.642	453	2.189				2116	4.758	453	2.189	2116
32	Phường Đăk Cấm	2.174	1.449	725				90	2.264	1.449	725	90

STT	Đơn vị	Kinh phí bổ sung tiền lương và phụ cấp			Kinh phí phụ cấp thu hút, phụ cấp lâu năm theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ			Tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ	Kinh phí bổ sung			
		Tổng cộng	Tiền lương theo mức lương 1,49 trđ/tháng	Tiền lương theo mức lương chênh lệch từ 1,49 trđ/tháng lên 2,34 trđ/tháng	Tổng cộng	Theo mức lương cơ sở 1,49 trđ/tháng	Theo mức lương chênh lệch từ 1,49 trđ/tháng lên 2,34 trđ/tháng		Tổng cộng	Theo mức lương cơ sở 1,49 trđ/tháng	Theo mức lương chênh lệch từ 1,49 trđ/tháng lên 2,34 trđ/tháng	Tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ
33	Phường Đắk Bla	1.621	769	852				894	2.515	769	852	894
34	Xã Ngọc Bay	1.749	1.119	630				112	1.861	1.119	630	112
35	Xã Ia Chim	994	315	679				1035	2.029	315	679	1035
36	Xã Đắk Rơ Wa	2.915	1.990	925	56	36	20	194	3.165	2.026	945	194
37	Xã Đắk Pxi	492	315	177	1560	993	567		2.052	1.308	744	
38	Xã Ngọc Tụ				1652	1052	600		1.652	1.052	600	
39	Xã Ngọc Réo	145	93	52				123	268	93	52	123
40	Xã Đắk Tô	37	24	13					37	24	13	
41	Xã Đắk Sao	92	59	33	14	9	5		106	68	38	
42	Xã Đắk Tờ Kan	15	10	5					15	10	5	
43	Xã Măng Ri	37	24	13	57	36	21		94	60	34	
44	Xã Sa Loong	505	323	182					505	323	182	
45	Xã Dục Nông	266	170	96					266	170	96	
46	Xã Xốp	62	40	22	76	48	28		138	88	50	
47	Xã Đắk Long	3.281	416	2.865	385	245	140		3.666	661	3.005	
48	Xã Đắk Môn	3.075	32	3.043					3.075	32	3.043	
49	Xã Sa Thầy	203	130	73					203	130	73	
50	Xã Sa Bình	3.066	236	2.830	495	315	180		3.561	551	3.010	
51	Xã Ya Ly	75	48	27	1116	711	405		1.191	759	432	
52	Xã Rờ Koi	52	33	19	1027	654	373		1.079	687	392	
53	Xã Mô Rai	136	87	49	119	76	43		255	163	92	
54	Xã Ia Đal	280	179	101	55	35	20		335	214	121	
55	Xã Đắk Kôi	244	156	88	1415	901	514	5	1.664	1.057	602	5
56	Xã Kon Braih	65	41	24				30	95	41	24	30
57	Xã Măng Đen	112	72	40					112	72	40	
58	Xã Kon Plông	152	97	55	734	467	267		886	564	322	
59	Xã Đắk Mar	718	459	259				76	794	459	259	76
60	Xã Ngọc Linh				127	81	46		127	81	46	
61	Xã Đắk Rve				1619	1031	588		1.619	1.031	588	
62	Xã Măng Bút				1796	1144	652		1.796	1.144	652	
63	Xã Đắk Pék	2.145		2145	429	273	156		2.574	273	2.301	
64	Xã Đắk Plô				444	283	161		444	283	161	
65	Xã Kon Đào				991	631	360		991	631	360	